

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-PT
Ngày : 22 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
bồi thường thiệt hại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán:

Bà Đặng Thị Ánh Bình

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLPT - DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2024/QĐXX -PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1956, địa chỉ: Số A, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Võ Hồng H1, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2024 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trương Hữu V, sinh năm 1984, địa chỉ: Số A, tổ H, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (không tiêu tập).

2.2. Ông Trương Hữu P, sinh năm 1977, địa chỉ: Số A, tổ H, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2.3. Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Đặng Minh T1, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 29/6/2023 (vắng mặt)
3. Người kháng cáo: Ông Đặng Minh H (nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2023 của ông Đặng Minh H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của ông Đặng Minh H là chị Võ Hồng H1 trình bày:

Ông H là chủ sử dụng thửa đất 149, tờ bản đồ 17, diện tích 6.757,8m², loại đất lúa tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nhưng ông không trực tiếp canh tác mà cho bà T mượn để canh tác không lấy tiền, gần đây khi ông xuống thăm đất thì phát hiện trụ ranh giữa đất của ông với đất của ông Trương Hữu V thuộc thửa 175 cùng tờ bản đồ số 17 bị lệch về phía bên đất của ông chiều ngang 0,5m x dài 266,49m = 66,62m². Ông H liên lạc với ông V để hai bên xác định lại ranh nhưng không gặp ông V, đất của ông V hiện tại do ông Trương Hữu P đang canh tác trồng mít. Ngoài ra, ông P còn tự ý đào lấy lớp đất mặt ở thửa 149 của ông H để mang đi đắp mô sầu riêng trên đất của ông P. Phần đất bị ông P đào mang đi chiều ngang 1,3m; chiều dài 260m; chiều cao 0,4m; tổng khối lượng là 135,2m³, giá 1m³ đất là 270.000đ, vậy tổng giá trị thiệt hại cho ông H 36.504.000đ.

Cũng trên thửa đất 149, phần giáp với đất của ông T2 và một phần giáp với đất ông V thì bà T tự ý đào đất mặt để lên liếp dự định trồng cây, khối lượng đất lên liếp khoảng 19,2m³. Ông H có yêu cầu bà T ban đất xuống trả lại hiện trạng ban đầu nhưng bà T không thực hiện.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông V và ông P trả lại cho ông H phần đất lấn chiếm ngang 0,5m x dài 266,49m thuộc thửa 149, yêu cầu bà T và ông P trả lại cho ông H khối lượng đất ông P đào mang đi đắp mô sầu riêng là 135,2m³, nếu không trả đất thì phải bồi thường theo giá 270.000đ/m³ bằng số tiền 36.504.000đ, yêu cầu bà T ban đất xuống trả lại hiện trạng ban đầu nếu không thì bồi thường giá trị 19,2m³ đất bằng số tiền 5.184.000đ.

* Bị đơn ông Trương Hữu P trình bày: Ông Trương Hữu V là chủ sử dụng thửa đất 175 giáp ranh với thửa 149 của ông H, nguồn gốc thửa 175 là của ông V mua vào năm 2019, khi đó thửa đất 175 với các thửa đất giáp cạnh đều có trụ đá làm ranh. Từ khi mua đất đến nay ông V không trực tiếp canh tác mà giao cho ông P canh tác, hiện tại ông P đã trồng mít và sầu riêng. Ông P canh tác không có lấn ranh qua thửa đất 149 của ông H. Bà T canh tác thửa đất 149 của ông H, do đất gò nên bà T kêu máy xúc cào lớp đất mặt để thuận tiện cho việc trồng lúa, phần đất bà T cào vô kêu cho ông P mang đi đắp vô mô sầu riêng của ông P ngang 1,5m x sâu 0,1m x dài 266,49m = 39,97m³. Nay ông P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H vì ông

và ông V không có lấn ranh của ông H, đối với khối lượng đất ông mang đi đắp vô mô sầu riêng là do bà T cho nên ông mới lấy vì vậy không đồng ý bồi thường giá trị.

* Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày :

Trước đây bà T mượn thửa đất 149 của ông H2 (anh ông H) để canh tác, năm 2019 ông H2 chết thì bà T trả tiền thuê cho con ông H2 mỗi năm 6.000.000đ. Năm 2021 bà T đi cách ly do bị nhiễm Covid 19 thì ở nhà con bà T thấy đất gò không xạ lúa được nên thuê máy xúc cào phần đất gò đắp vào bờ ranh (giáp với đất ông V). Đến năm 2022 bà T có kêu ông H cho người khác thuê thửa 149 để trồng mít nhưng ông H không đồng ý, ông H lấy đất lại không cho bà T thuê tiếp và nói số đất gò đã cào vô đắp bờ ranh bà cho ai thì cho, lúc đó ông P nghe vậy thì tự đào lấy đi đắp vô mô sầu riêng của ông P.

Bà T không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông H vì phần đất gò cào vô đắp bờ ông H đã nói cho ai thì cho nên ông P mới lấy về đắp mô sầu riêng. Bà T cho rằng phần đất gò đã cào một phần ông H mang đi, một phần đắp vô bờ để thửa 149 nên không xác định được khối lượng đất ông P mang đi là bao nhiêu.

Ngoài ra, bà T có đơn yêu cầu phản tố, đòi ông H phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà gồm: Máy bơm nước giá trị 4.000.000đ, ống nước 2.000.000đ, 50 cây ổi 750.000đ, 60 cây mít 1.000.000đ, tiền công cào phẳng mặt ruộng: 8.400.000đ, tiền công đi đường ống nước 1.000.000đ. Tổng cộng là 17.150.000đ.

*Tại tờ tường trình ngày 24/11/2023 anh Đặng Minh Trung đại d cho bà T trình bày: Bà T thuê thửa đất ruộng 149 của ông H2, canh tác từ năm 2002 đến nay ông H2 chết bà T trả đất lại cho ông H đúng hiện trạng đất ruộng như ban đầu, trong thời gian thuê do đất gò canh tác không có năng suất nên con bà T thuê máy xúc cào lớp đất mặt vào bờ để để canh tác cho có năng suất. Nay ông H lấy lại đất bà T đã trả lại đất ruộng trồng lúa như ban đầu. Ông H xác định khối lượng và diện tích phần đất bà T đã cải tạo như trong đơn là không có cơ sở do ông H không có kích thước, khối lượng trước và sau khi cải tạo thì cơ sở nào ông H xác định khối lượng đất ông P mang đi 136m³. Ông H xác định giá đất mặt ruộng 270.000đ/m³ là không có căn cứ vì Nhà nước không cho bán đất mặt ruộng nên không xác định được giá.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: chị H1 đại diện ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với việc ông H đòi ông V và ông Phúc V1 trả lại phần đất lấn ranh 66,62m², anh Trung đại d bà T rút lại yêu cầu phản tố của bà T về việc đòi ông H bồi thường thiệt hại tài sản gồm: Máy bơm nước giá trị 4.000.000đ, ống nước 2.000.000đ, 50 cây ổi 750.000đ, 60 cây mít 1.000.000đ, tiền công cào phẳng mặt ruộng: 8.400.000đ, tiền công đi đường ống nước 1.000.000đ.

Tại bản án sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Minh H yêu cầu ông Trương Hữu V và ông Trương Hữu P trả lại cho ông H phần đất lấn chiếm ngang 0,5m dài 266,49m tổng diện tích 66,62m² thuộc thửa 149

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Minh H đối với yêu cầu buộc bà T ông P trả lại phần đất đã tự ý chiếm dụng bất hợp pháp của ông H về hiện trạng ban đầu với tổng khối lượng đất là $135,2\text{m}^3$, phần đất tranh chấp giáp với ông Trương Hữu V, thuộc thửa 149 đất do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp ông P bà T không trả đất thì phải có trách nhiệm bồi thường giá trị theo giá $270.000\text{đ}/\text{m}^3$ với số tiền là $36.504.000\text{đ}$; Yêu cầu bà T trả lại cho ông H phần đất mặt ruộng bà T đã đào lên khối lượng khoảng $19,2\text{m}^3$, trường hợp bà T không trả đất thì yêu cầu bà T trả số tiền $5.184.000\text{đ}$.

3. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Mỹ T yêu cầu ông Đặng Minh H trả cho bà T số tiền $17.150.000\text{đ}$ (Mười bảy triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) là số tiền ông H làm thiệt hại tài sản cho bà gồm: 01 máy bơm nước giá $4.000.000\text{đ}$, đường ống nước $2.000.000\text{đ}$, 50 cây ổi có giá 750.000đ , 60 cây mít $1.000.000\text{đ}$, tiền công cào phẳng mặt ruộng $8.400.000\text{đ}$, tiền công đi đường ống nước $1.000.000\text{đ}$.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/12/2023 ông H có đơn kháng cáo, yêu cầu bà T và ông P trả lại cho ông H $135,2\text{m}^3$ đất thửa 149 mà ông P đã đào lấy đi, nếu không trả bằng đất thì phải bồi thường bằng số tiền $36.504.000\text{đ}$ đồng, yêu cầu bà T trả lại khối lượng đất đã tự ý đào đắp vô bờ đê là $19,2\text{m}^3$, nếu bà T không trả lại đất thì phải bồi thường thiệt hại số tiền $5.184.000\text{đ}$ đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H rút lại yêu cầu đòi bà T bồi thường giá trị $19,2\text{m}^3$ đất đắp vô bờ đê bằng $5.184.000\text{đ}$ đồng, chỉ yêu cầu ông P và bà T liên đới bồi thường cho ông H giá trị của 135m^3 đất ông P mang đi, tính theo giá $120.000\text{đ}/\text{m}^3$ bằng số tiền $16.200.000\text{đ}$ đồng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà T và ông P liên đới bồi thường thiệt hại cho ông H 135m^3 đất theo giá $120.000\text{đ}/\text{m}^3$ bằng số tiền $16.200.000\text{đ}$ đồng, tính lại án phí sơ thẩm, ông H không phải chịu án phí phúc thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của ông H về việc đòi bà T bồi thường giá trị $19,2\text{m}^3$ đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

Ngày 29/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tuyên án sơ thẩm, đến ngày 08/12/2023 ông Đặng Minh H có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông H rút yêu cầu kháng cáo về việc đòi bà T trả tiền giá trị 19,2m³ đất bà T cào đắp vô bờ đê. Căn cứ Điều 289 bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

Ông P, bà T và người đại diện hợp pháp của bà T được triệu tập hợp lệ dự phiên tòa phúc thẩm lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định thiệt hại.

Bà T trình bày, trong quá trình bà thuê thửa đất ruộng số 149 của ông H để canh tác, do đất gò trồng lúa kém năng suất nên bà thuê máy xúc cào lớp đất mặt đắp vào bờ đê, sau đó cho ông P đào mang đi khoảng 240 xe rùa để ông P đắp vô mô sầu riêng. Khi bà thuê đất của ông H là đất lúa đến khi trả đất lại cho ông H thì ông vẫn trồng lúa được bình thường nên không có thiệt hại xảy ra.

Xét lời trình bày của bà T là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: việc ông P đào lấy lớp đất mặt của thửa ruộng 149 mang đi mà không có sự đồng ý của ông H và cũng không trả giá trị khối lượng đất đó cho ông H là đã có thiệt hại xảy ra. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “bà T cào lớp đất mặt thửa 149 cho ông P mang đi thì ông H vẫn canh tác lúa bình thường nên không có thiệt hại xảy ra” là không phù hợp.

[2.2] Xác định hành vi gây thiệt hại, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại xảy ra, lỗi gây ra thiệt hại.

Bà T cho rằng, khi bà cào lớp đất mặt thửa 149 đắp vô bờ đê thì ông H có nói với bà cho ai thì cho nên bà mới kêu cho ông P mang khối lượng đất này đi. Tuy nhiên, bà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh điều này. Ông H thì không thừa nhận việc ông đồng ý cho bà T cào lớp đất mặt thửa ruộng 149 và cho ông P khối lượng đất này.

Đối với ông P, biết ông H là chủ sử dụng thửa đất 149 nhưng đào lấy đất của ông H mang đi khi chưa được sự đồng ý của ông H là đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông H.

Như vậy, có căn cứ xác định hành vi của bà T tự ý cào lớp đất mặt của thửa ruộng số 149 đắp vô bờ đê và hành vi của ông P đào lấy đất của ông H mang đi khi

chưa có sự đồng ý của ông H là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại cho ông H. Lỗi hoàn toàn do bà T và ông P gây ra.

[2.3] Xác định mức độ thiệt hại và trách nhiệm bồi thường.

Người đại diện hợp pháp của ông H cho rằng, khối lượng đất ông P mang đi là $135,2\text{m}^3$ tính trên căn cứ đo thực tế chiều dài, chiều rộng và chiều sâu phần bờ đề đã bị ông P đào lấy đất mang đi, cụ thể chiều dài là 260m x chiều rộng 1,3m x chiều sâu 0,4m = $135,2\text{m}^3$ (làm tròn 135m^3), tính theo giá 120.000 đồng/ m^3 thì thiệt hại của ông H là 16.200.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng khối lượng đất ông P mang đi đắp vô 80 mô sầu riêng là 240 xe rùa, nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Ông P thừa nhận, có thuê nhân công đào lấy đất của ông H mang đi ngang 1,5m x dài 266,49m x sâu 0,1m tính ra bằng $39,97\text{m}^3$ (bút lục 95, 96), nhưng cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh khối lượng đất mang đi chỉ bằng $39,97\text{m}^3$. Tại văn bản trình bày của ông Trần Văn K, ông Phạm Văn N xác nhận: ông P thuê ông K và ông N cùng với một số người trong gia đình ông P đào lấy đất thừa 149 của ông H mang đi đắp vô mô sầu riêng của ông P ngang 1,3m x dài 260m x sâu 05 tấc (bút lục 162, 163). Điều này cho thấy, lời trình bày của ông H cho rằng khối lượng đất ông P đào mang đi bằng $135,2\text{m}^3$ là có căn cứ chấp nhận.

Về giá trị khối lượng đất, căn cứ Quyết định số: 20/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh V ban hành giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thì giá đất (làm gạch, ngói) là 120.000đ/ m^3 .

Như vậy, tính ra mức thiệt hại của ông P là $135\text{m}^3 \times 120.000\text{đ} = 16.200.000$ đồng. Ông P bà T đều có lỗi gây ra thiệt hại cho ông H nên ông P và bà T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông H bằng số tiền 16.200.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Do sửa án sơ thẩm, nên sửa lại án phí sơ thẩm, bà T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí sơ thẩm, ông P phải chịu 405.000 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: do chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H đòi bà T trả tiền giá trị $19,2\text{m}^3$ đất.

Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh H, sửa Bản án sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các điều các điều 288, 584, 585, 589, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 12, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh H.

Buộc ông Trương Hữu P và bà Lê Thị Mỹ T liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Minh H 135m³ đất bằng số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm: Buộc ông Trương Hữu P chịu 405.000 đồng (Bốn trăm linh năm ngàn đồng), bà Lê Thị Mỹ T được miễn.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đặng Minh H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh H về việc đòi ông Trương Hữu P và ông Trương Hữu V trả lại diện tích đất lấn chiếm 266,49m²; đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Mỹ H3 về việc đòi ông Đặng Minh H bồi thường thiệt hại tài sản bằng số tiền 17.150.000 đồng; chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VP TAND tỉnh Vĩnh Long;

- TAND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi